

Ngày 31/03/2024	11,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.7%	1.8%	1.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,510 - 12,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
Số lượng CPLH (CP)	17,310,978
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,435
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.47
EPS	1,505
P/E	7.6

DT thuần
Q1/24

0.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.06| -89.9%

YoY: ▼23.0| -97.1%

LN trước thuế
Q1/24

4.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.47| -66.1%

YoY: ▼0.18| -3.9%

LN sau thuế
Q1/24

4.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.43| -66.4%

YoY: ▼0.15| -3.4%

ROA
2023

11.5%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần
2023

71.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼95.0| -57.3%

LN trước thuế
2023

25.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.10| 0.5%

LN sau thuế
2023

25.5

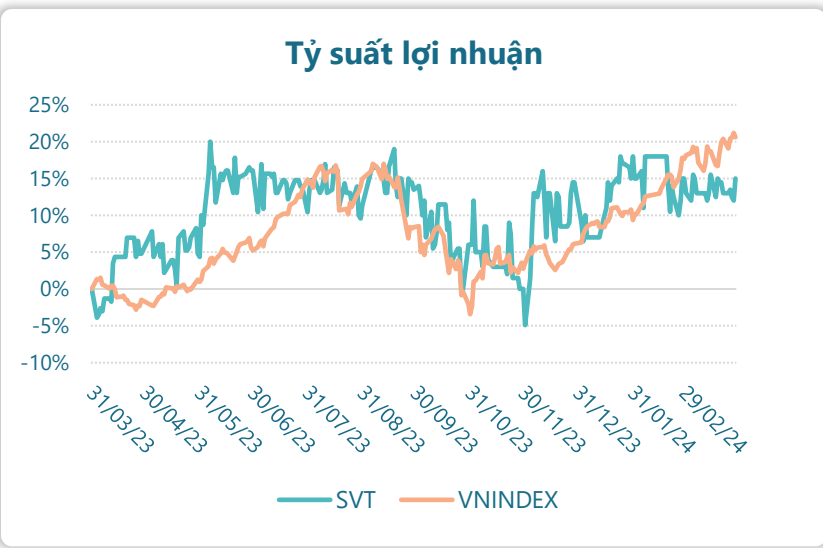
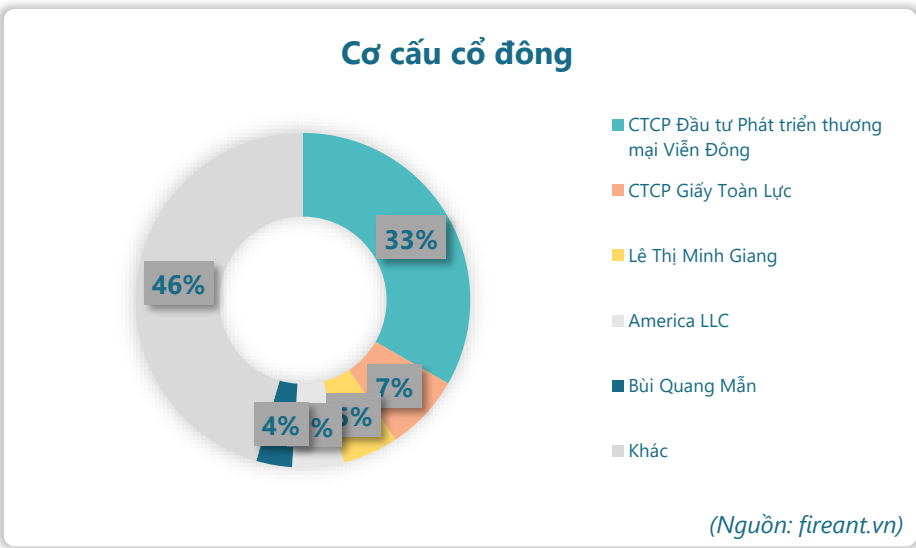
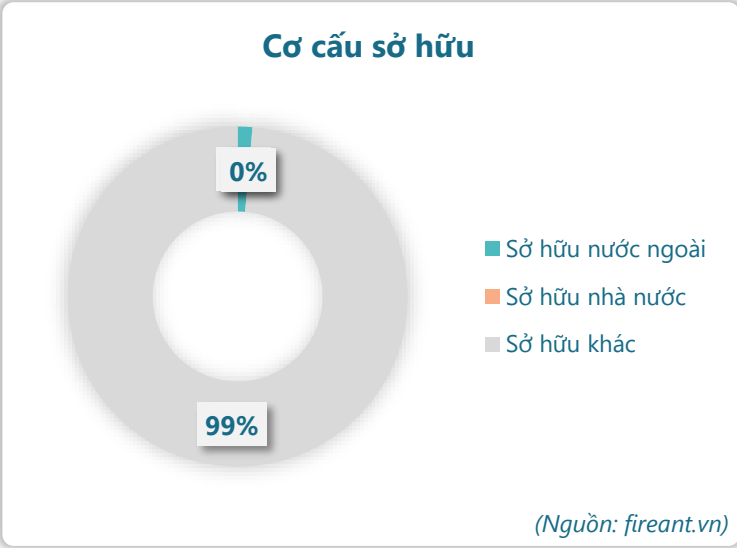
tỷ VNĐ

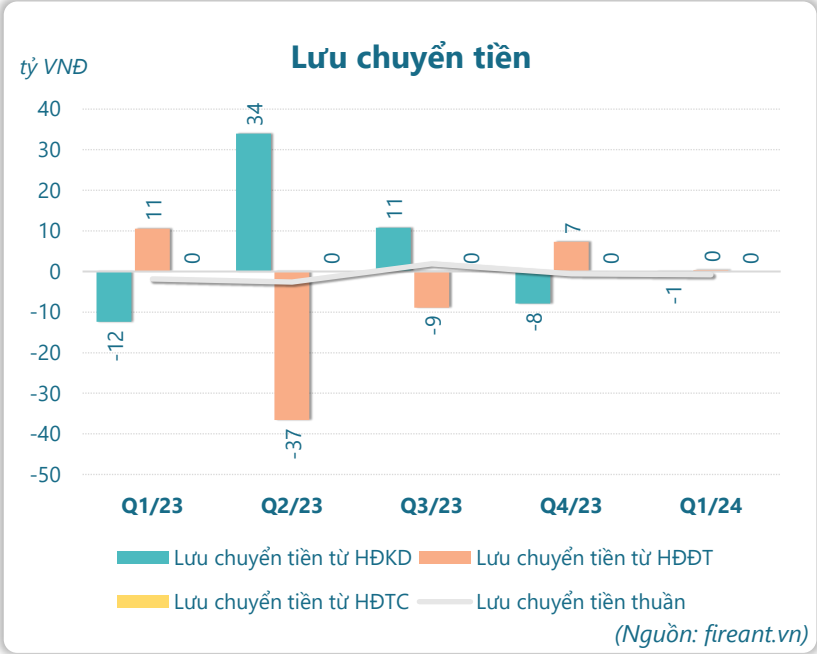
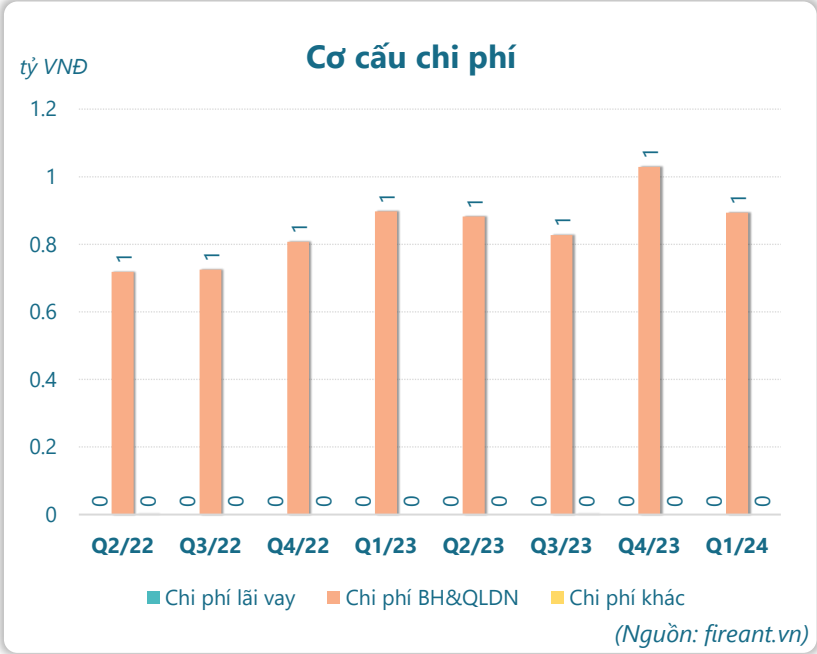
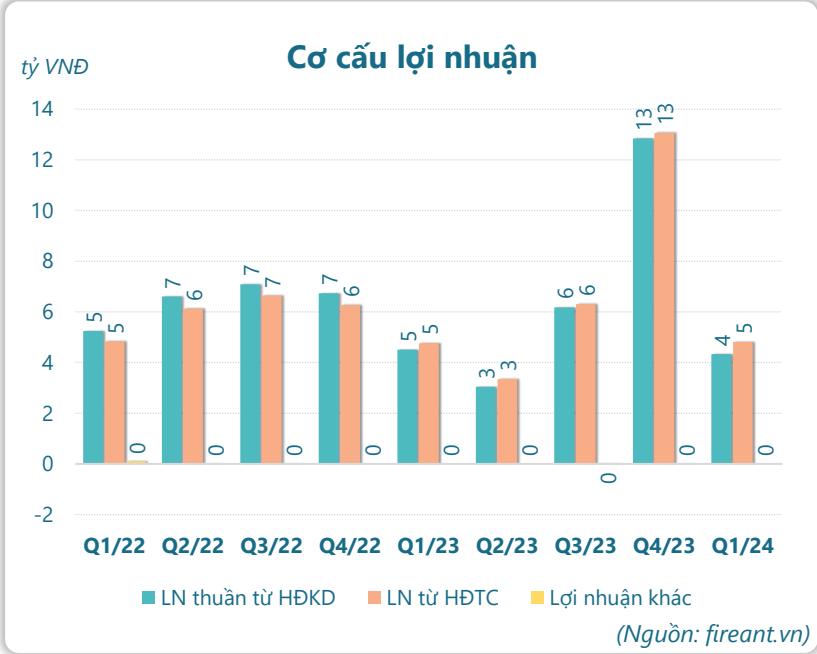
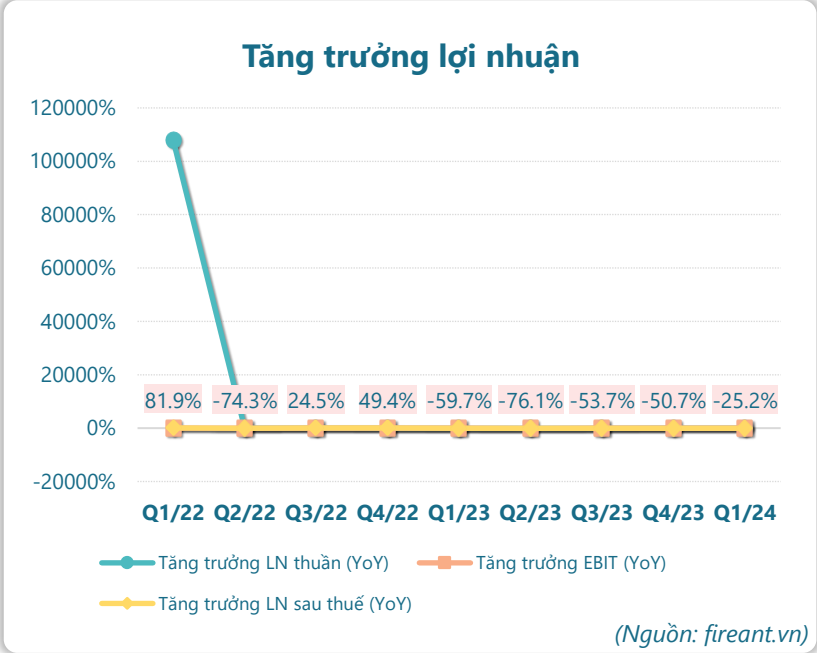
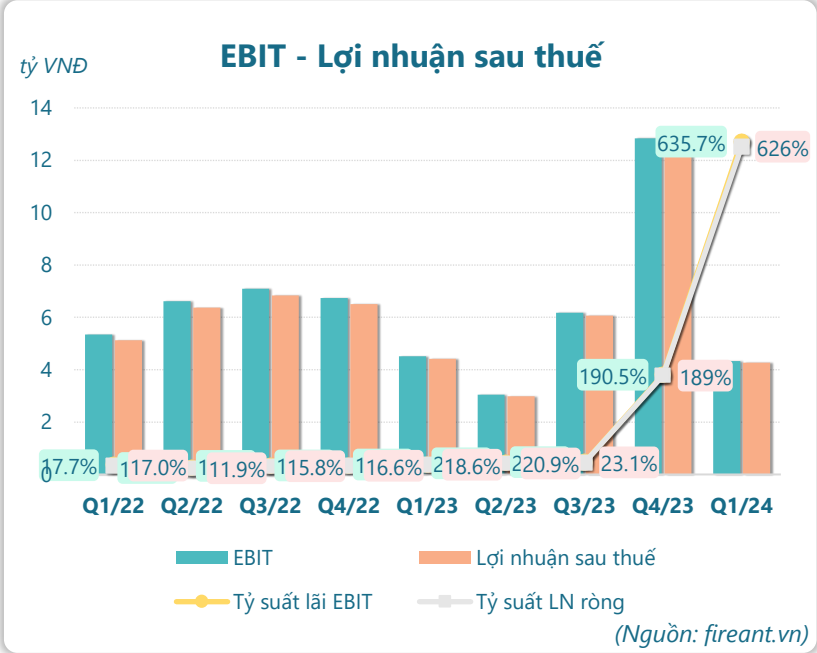
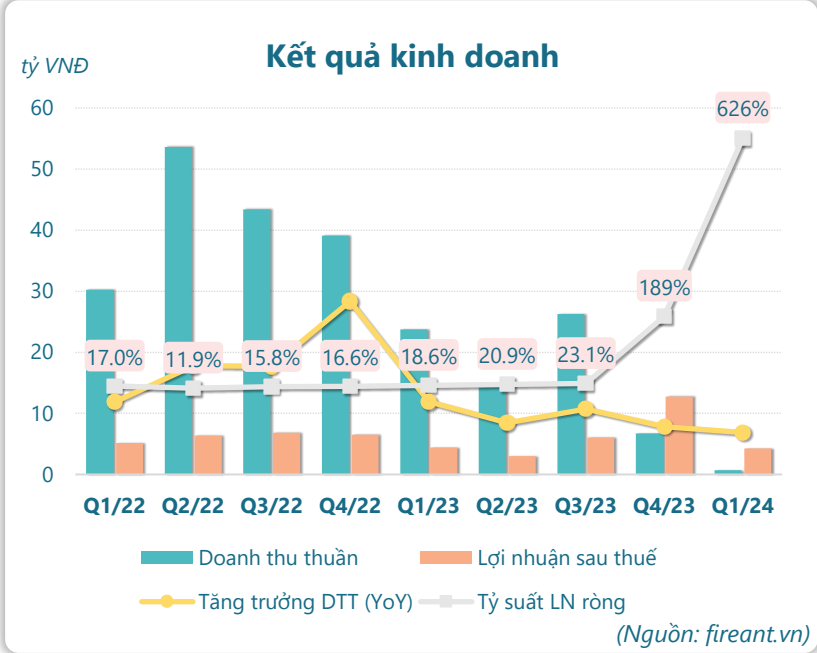
YoY: ▲ 0.70| 2.8%

ROE
2023

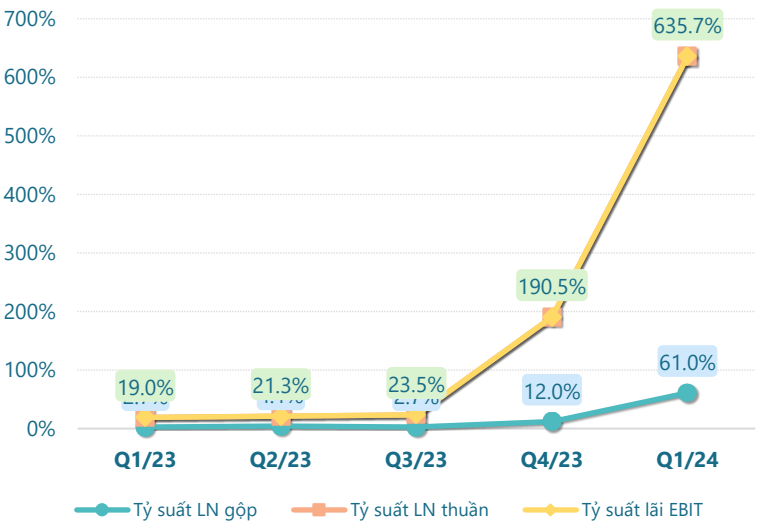
11.6%

+/- YoY: ▼ 1.1%



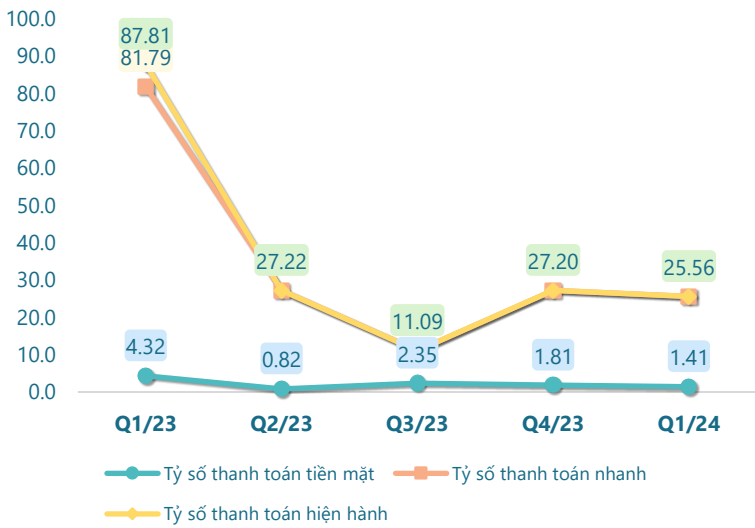


Tỷ suất lợi nhuận



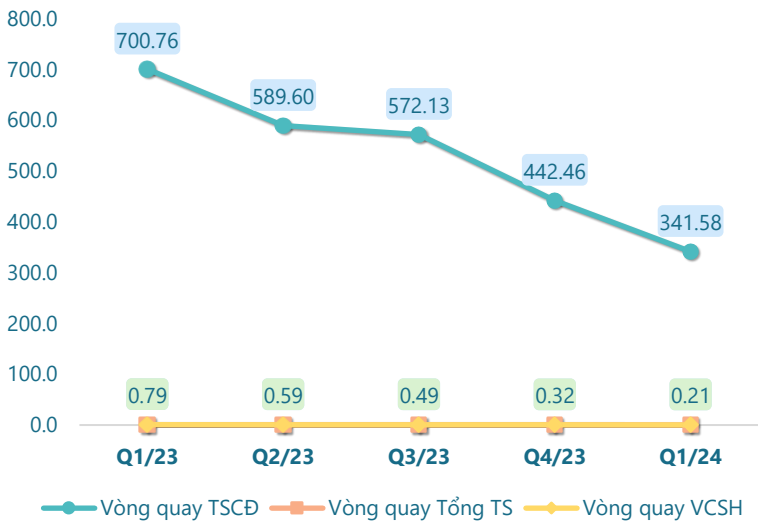
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



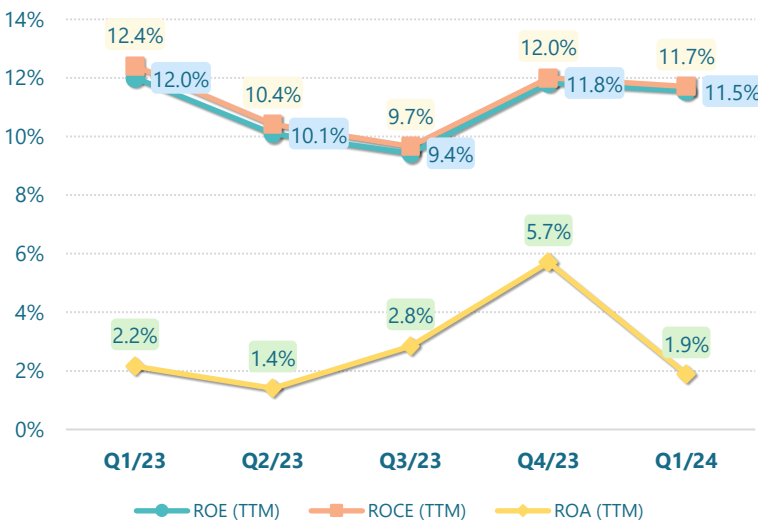
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



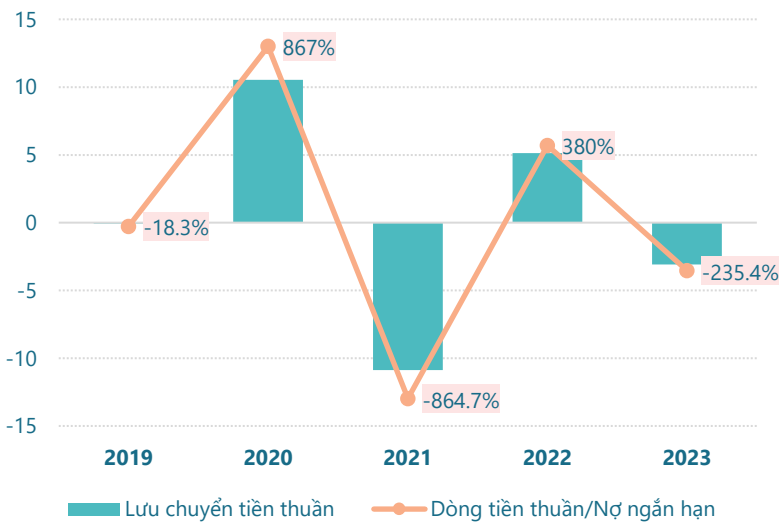
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



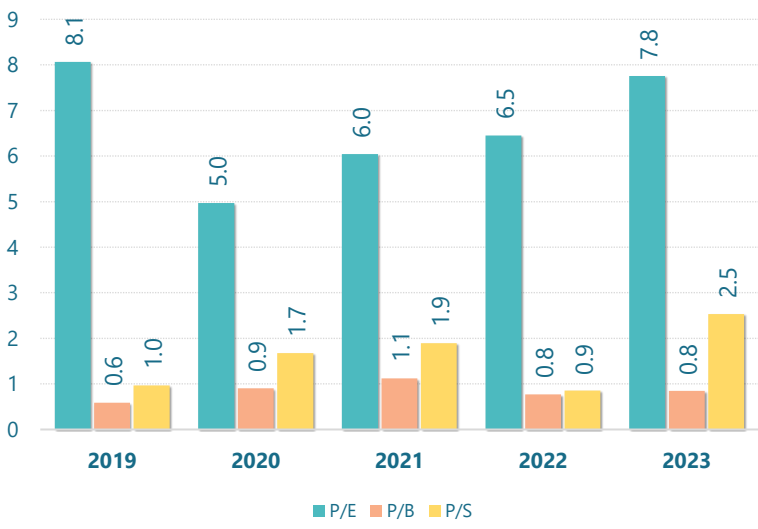
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)